

Bản án số: 175/2021/HS-ST  
Ngày: 15-10-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/HSST-QĐ ngày 30/9/2021, đối với các bị cáo:

1. **Trương Văn T**, sinh năm 1996 tại tỉnh N; hộ khẩu thường trú: Xóm 11-12, xã V, huyện M, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1966; có 10 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/01/2020, bị Công an huyện M, tỉnh N xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” và xử phạt số tiền 3.000.000 đồng về hành vi “Hủy hoại làm hư hỏng tài sản của người khác”, đã chấp hành xong ngày 15/01/2020.

2. **Cao Quốc H**, sinh năm 1999 tại thành phố C; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã X, huyện L, thành phố C; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C, sinh năm 1978 và bà Cao Thị Thùy L, sinh năm 1982; có anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát từ ngày 24/3/2021 cho đến nay. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*- Bị hại:*

1. Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường DG3, khu phố 8, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Phạm Chí T1, sinh năm 1997; địa chỉ: Đường NL5, khu phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Chí Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường DE7, khu phố 8, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Châu L2, sinh năm 1967; địa chỉ: Đường DG3, khu phố 8, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Lê Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 4, đường NE8, khu phố 3A, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Vũ L1, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường DG3, khu phố 8, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường DG3, khu phố 8, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K; địa chỉ: Số 57, khu A, khu phố 5, phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng V – Chức danh: Giám đốc, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn Đ, vắng mặt.

2. Lê Công D, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T và Cao Quốc H là bạn bè với nhau, cùng nghiện ma túy đá, không nghề nghiệp và ở chung tại căn nhà thuê không số ở cạnh đường NL14A thuộc khu phố 3B, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Sáng ngày 20/3/2021, do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người dân đem bán lấy tiền nên đã điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu đỏ, biển số: 76X6 – 8857 đi đến các tuyến đường trong khu công nghiệp Mỹ Phước II tìm tài sản của người dân sơ hở để lấy trộm. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đến trước nhà trọ Nguyễn Văn H, ở cạnh đường DG3 thuộc khu phố 8, phường C, thị xã Bến Cát, T phát hiện không có người nên điều khiển xe chạy vào đến trước phòng trọ số 04 của anh Nguyễn Vũ L1. T lén

lút dùng cây cờ lê bằng kim loại mang theo, bẻ gãy ổ khóa cửa phòng trọ số 04 rồi vào phòng lục tìm lấy được 01 tờ giấy Hợp đồng cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1 – 372.26 của anh L1 (tên dịch vụ cầm đồ N) với số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục qua phòng trọ số 03 của chị Nguyễn Thị Thùy L bẻ khóa rồi vào trong lục tìm lấy được 01 tủ lạnh hiệu Samsung màu xám, dung tích 236 lít, Model RT22M4033S8/SV và 01 tờ giấy Hợp đồng thế chấp một bộ vòng Simen 06 chiếc, vàng 18K, trọng lượng 3,3 chỉ của chị L (bên nhận thế chấp là Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K) với số tiền thế chấp là 7.000.000 đồng, kèm theo 01 sổ tạm trú, 01 giấy chứng minh nhân dân của chị L. Sau đó, T chắt tủ lạnh lên xe mô tô 76X6 – 8857, điều khiển chở chạy về phòng trọ của mình. Tại đây, T nói cho H nghe việc vừa mới đi trộm cắp tài sản và rủ H lấy Giấy cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1 – 372.26 của cơ sở N đi chuộc xe ra, rồi đem xe đi cầm cố nơi khác với số tiền cao hơn để hưởng lợi, T sẽ chia cho H tiền tiêu xài thì H đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ ngày 20/3/2021, T mượn bạn là Nguyễn Văn Đ số tiền 20.500.000 đồng. T đưa cho H tờ giấy cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1 – 372.26 và số tiền 20.500.000 đồng, rồi chở H đến tiệm cầm đồ N, ở cạnh đường DE7, khu phố 8, phường C, thị xã Bến Cát, do anh Nguyễn Chí Q làm chủ để chuộc xe. H đi vào đưa tờ giấy cầm cố cho anh Q và yêu cầu được chuộc xe. Anh Q thấy H không phải là chủ xe Nguyễn Vũ L1 nên hỏi thì H nói dối H là em của anh L1, được anh L1 nhờ đi chuộc xe giùm. Anh Q tin tưởng nên đồng ý cho H chuộc xe với tổng số tiền là 20.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 500.000 đồng. Sau khi nhận xe mô tô hiệu Honda Sonic 66K1 – 372.26 cùng giấy tờ gồm 01 giấy đăng ký xe (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân (phô tô) mang tên Nguyễn Vũ L1, H điều khiển xe chạy về phòng trọ của mình và T cất giấu.

Khoảng 14 giờ ngày 20/3/2021, T đến tiệm vàng K, ở cạnh đường DG3, khu phố 8, phường C, thị xã Bến Cát gặp chị Lê Thị Châu L2. T đưa tờ giấy Hợp đồng thế chấp vàng của chị Nguyễn Thị Thùy L cho chị L2, nói với chị L2 T là người nhà của chị L và yêu cầu bán số vàng đã cầm cố trong giấy. Chị L2 tin tưởng T là người nhà của chị L nên không nghi ngờ mà đồng ý mua. Chị L2 tính trị giá vàng, trừ số tiền cầm cố và tiền lãi rồi đưa cho T số tiền còn dư là 2.553.000 đồng.

Khoảng 19 giờ ngày 21/3/2021, T mang xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đen đỏ biển số 66K1 – 372.26 đến cơ sở kinh doanh cầm đồ Đ, ở cạnh đường NE8 khu phố 3A, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do chị Lê Thị P làm chủ. T nói với chị P mình là Nguyễn Vũ L1 và yêu cầu cầm cố xe. Chị P kiểm tra xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1 – 372.26, giấy đăng ký xe (bản chính) và giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô) mang tên Nguyễn Vũ L1 mà T đưa ra thì thấy xe và giấy tờ trùng khớp, hình ảnh trong giấy chứng minh nhân dân cũng giống T nên tin tưởng, đồng ý cầm xe với số tiền là 35.000.000 đồng. Tiền có được, T lấy 20.500.000 đồng trả lại cho Đ, còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 21/3/2021, T tiếp tục đi tìm tài sản của người dân sơ hở để lấy trộm. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, T đi bộ đến nhà trọ A, ở đường NL5, khu phố 4, phường T, thị xã Bến Cát, T phát hiện phòng trọ số 02

của anh Phạm Chí T1 không chốt khóa cửa nên len lút đi vào lục tìm lấy được 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9 màu xanh, số tiền 2.500.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô 47C-321.78 của anh T1. Sau đó, T mang điện thoại di động trộm được về sử dụng đăng nhập vào ví điện tử Mô Mô bằng mật khẩu ngẫu nhiên là ngày, tháng, năm sinh của anh T1 ghi trên giấy chứng minh nhân dân thì thấy trong tài khoản có 5.200.000 đồng. T sử dụng tiền trong tài khoản của anh T1 nạp card và chơi game hết.

T còn khai nhận vào sáng ngày 24/3/2021, T tiếp tục đi tìm tài sản của người dân sơ hở để lấy trộm. Khi đến khu vực đường KK3, khu phố 3A, phường T, thị xã Bến Cát, phát hiện nhà đang khóa cửa, T đi vòng ra phía sau nhà, dùng cờ lê, mồi lết phá cửa bên hông nhà rồi đột nhập vào bên trong tìm tài sản có giá trị để lấy trộm. Khi T đang lục tung đồ đạc trong nhà, chưa lấy được tài sản gì thì nghe có tiếng mở cửa, T liền theo lối cửa bên hông nhà ra ngoài và chạy thoát. Đến khoảng 10 giờ ngày 24/3/2021, lực lượng Công an phường T, thị xã Bến Cát nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc T có biểu hiện nghi vấn trộm cắp tài sản nên tiến hành kiểm tra hành chính đối với T thì phát hiện trên người của T có 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 9; tiếp tục kiểm tra trong phòng trọ của T có 01 tủ lạnh, 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ tạm trú mang tên Nguyễn Thị Thùy L nên mời T về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 Ba lô màu đen;
- 01 Cờ lê bằng kim loại màu bạc;
- 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9 màu xanh;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Chí T;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47C-32178.
- 01 Tủ lạnh hiệu Samsung màu xám, dung tích 236 lít, Model RT22M4033S8/SV;
- 01 Sổ tạm trú;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thùy L;
- 01 Bộ vòng Simen 06 vòng, vàng 18K, trọng lượng 3,3 chỉ;
- 01 Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đen đỏ, biển số 66K1-372.26 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô) mang tên Nguyễn Vũ L1.

Theo Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 02/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát:

- 01 Tủ lạnh hiệu Samsung màu xám, dung tích 236 lít, Model RT22M4033S8/SV trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 Bộ vòng Simen 06 chiếc, vàng 18K, trọng lượng khoảng 3,3 chỉ, trị giá 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

- 01 Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đen đỏ, biển số 66K1-372.26 trị giá 34.300.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 9 4Gb/128Gb màu xanh trị giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, T còn khai nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác tại 01 phòng trọ ở khu vực Khu du lịch Đại Nam thuộc phường Đ, thị xã Bến Cát và 01 phòng trọ ở khu vực Khu công nghiệp Vsip II, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, qua xác minh tại 02 địa phương này cũng như đã xác minh tại khu vực đường KK3, khu phố 3A, phường T vào sáng ngày 24/3/2021 không xác định được thông tin về tội phạm cũng như bị hại nên không có cơ sở xử lý T về những hành vi này.

Ngày 19/6/2021, anh Nguyễn Vũ L1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát số tiền cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đen đỏ, biển số 66K1-372.26 đã nhận của Nguyễn Chí Q là 20.500.000 đồng. Ngày 21/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1-372.26 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh L1; giao trả số tiền 20.500.000 đồng cho chị Lê Thị P. Chị P yêu cầu T phải tiếp tục bồi thường số tiền 14.500.000 đồng.

Ngày 20/6/2021, chị Nguyễn Thị Thùy L đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra số tiền 7.000.000 đồng. Ngày 21/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã xử lý vật chứng giao trả: 01 bộ vòng Simen 06 chiếc (vàng 18K, trọng lượng 3,3 chỉ), 01 tủ lạnh hiệu Samsung màu xám (dung tích: 236 lít, Model: RT22M4033S8/SV), 01 sổ tạm trú, 01 giấy chứng minh nhân dân cho chị L; giao trả số tiền 7.000.000 đồng cho đại diện Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K. Đại diện Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K không yêu cầu T bồi thường số tiền 2.553.000 đồng.

Ngày 21/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả cho anh Phạm Chí T1: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9 màu xanh, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47C-32178. Anh T1 yêu cầu T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 7.700.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 76X6- 8857, T khai mượn của bạn tên Phong (không rõ lai lịch) để làm phương tiện phạm tội vào ngày 20/3/2021. Sau đó T đã trả lại xe cho Phong. Qua tra cứu thông tin, xe mô tô biển số 76X6-8857 do anh Nguyễn Ngọc L3 (sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Tổ 18, phường Q, thành phố Q) đứng tên đăng ký. Anh L3 đã bán xe mô tô này cho người khác, không rõ lai lịch.

Quá trình điều tra, Trương Văn T và Cao Quốc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 138/CT-VKSBC ngày 21/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1

Điều 173 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Cao Quốc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Văn T:

- + Mức án từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- + Mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cao Quốc H mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô màu đen và 01 cờ lê bằng kim loại màu bạc là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- + Tuyên buộc bị cáo T và bị cáo H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Lê Thị P số tiền 14.500.000 đồng;

- + Tuyên buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Chí T1 số tiền 7.700.000 đồng.

- Buộc bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính 2.553.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát.

Trình bày lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên;

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 20/3/2021 đến ngày 21/3/2021, bị cáo Trương Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác tại khu vực thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 12.300.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 20/3/2021, tại phòng trọ số 04 nhà trọ Nguyễn Văn H, đường DG3, khu phố 8, phường C, thị xã Bến Cát, T dùng cây cờ lê bằng kim loại mang theo, bẻ gãy ổ khóa cửa phòng trọ, vào bên trong nhưng chỉ lấy trộm được 01 tờ giấy Hợp đồng cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1-37226 của anh Nguyễn Vũ L1 (tên dịch vụ cầm đồ N với số tiền cầm cố là 20.000.000 đồng).

- Lần 2: Ngay sau khi ra khỏi phòng trọ số 04 của nhà trọ Nguyễn Văn H, T đi sang phòng trọ số 03 tiếp tục bẻ khóa rồi vào trong lục tìm lấy trộm được 01 tủ lạnh hiệu Samsung màu xám, dung tích 236 lít, Model RT22M4033S8/SV trị giá 2.500.000 đồng và 01 tờ giấy Hợp đồng thế chấp 01 bộ vòng Simen 06 chiếc, vàng 18K, trọng lượng 3,3 chỉ của chị Nguyễn Thị Thùy L, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.500.000 đồng.

- Lần 3: Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 21/3/2021, T lén lút đi vào phòng trọ số 02 nhà trọ A, cạnh đường NL5, khu phố 4, phường T, thị xã Bến Cát, lấy trộm được: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9 màu xanh giá trị giá 2.100.000 đồng; tiền mặt 2.500.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô 47C-321.78. Sau khi lấy trộm điện thoại, T đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của anh T1, chiếm đoạt số tiền 5.200.000 đồng trong tài khoản sử dụng chơi game hết. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.800.000 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 20 đến ngày 21/3/2021, Trương Văn T đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 51.353.000 đồng, trong đó Cao Quốc H tham gia 02 lần (lần thứ 1 và lần thứ 2) với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 48.800.000 đồng, cụ thể:

Sau khi bị cáo T lấy trộm được Hợp đồng cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1-37226 của anh Nguyễn Vũ L1, T đã bàn bạc với bị cáo H về

việc đi chuộc xe mô tô này để mang cầm nơi khác với số tiền cao hơn để hưởng lợi, T sẽ chia cho H tiền tiêu xài thì H đồng ý.

- Lần 1: Khoảng 13 giờ, ngày 20/3/2021, T dùng xe mô tô chở H đến cơ sở dịch vụ cầm đồ N, ở cạnh đường DE7, khu phố 8, phường C, thị xã Bến Cát, bị cáo H để chuộc xe. H đi vào tiệm cầm đồ đưa Hợp đồng cầm cố xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1-372.26 (xe trị giá 34.300.000 đồng) cho chủ tiệm cầm đồ là anh Nguyễn Chí Q, nói dối với anh Q rằng H là em của anh L1, được anh L1 nhờ đi chuộc xe và yêu cầu chuộc lại xe. Anh Q tin tưởng nên đồng ý cho H chuộc xe với số tiền là 20.500.000 đồng. Giá trị tài sản mà T và H chiếm đoạt ở lần này là 13.800.000 đồng.

- Lần 2: Sau khi chuộc được xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1-372.26 từ cơ sở dịch vụ cầm đồ N của anh Q, H mang xe về phòng trọ giao lại cho T nhằm mục đích để T mang đi cầm cố chỗ khác với số tiền cao hơn. Khoảng 19 giờ ngày 21/3/2021, tại cơ sở kinh doanh cầm đồ Đ, ở cạnh đường NE8, khu phố 3A, phường T, thị xã Bến Cát, bị cáo T có hành vi nói dối với chị Lê Thị P, mình là Nguyễn Vũ L1 là chủ xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 66K1-37226 và yêu cầu cầm cố xe. Chị P kiểm tra xe và giấy tờ thấy trùng khớp nên tin tưởng và đồng ý cầm xe với số tiền là 35.000.000 đồng.

- Ngoài ra: Vào khoảng 14 giờ, ngày 20/3/2021, tại tiệm vàng K của Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K ở cạnh đường DG3, khu phố 8, phường C, thị xã Bến Cát, bị cáo T có hành vi đưa Hợp đồng thế chấp vàng của chị Nguyễn Thị Thùy L cho chị Lê Thị Châu L2, nói với chị L2 T là người nhà của chị L và yêu cầu bán số vàng đã cầm cố là 01 bộ vòng Simen 06 chiếc, vàng 18K, trọng lượng 3,3 chỉ, trị giá 7.700.000 đồng. Chị L2 tin tưởng và đồng ý mua. Sau khi đã trừ tiền cầm cố và tiền lãi, chị L2 đưa cho T số tiền còn lại là 2.553.000 đồng.

[2.2] Xét các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản và hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, bản chất tham lam, lười nhác, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo T đã cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo H cố tình tham gia cùng với bị cáo T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân.

[2.3] Hành vi của bị cáo Trương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo Cao Quốc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.



Như vậy, bản Cáo trạng số 138/CT-VKSBC ngày 21/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Cao Quốc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó cả 02 lần giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng và 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó cả 03 lần giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Do đó, bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bị cáo H 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó cả 02 lần giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Do đó, bị cáo H cũng phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp. Riêng đối với bị cáo T có nhân thân xấu: Ngày 15/01/2020, bị Công an huyện M, tỉnh N xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” và xử phạt số tiền 3.000.000 đồng về hành vi “Hủy hoại làm hư hỏng tài sản của người khác”.

[5] Về tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo: Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người chủ mưu đề xuất việc thực hiện tội phạm. Ở lần phạm tội thứ nhất, bị cáo H là người T tiếp thực hiện hành vi; ở lần thứ hai, bị cáo H chỉ đóng vai trò là người giúp sức, bị cáo T là người T tiếp thực hiện hành vi phạm tội, H không biết T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản khi nào. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo T cũng sử dụng một mình, không chia cho bị cáo H.

[6] Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[7] Quá trình điều tra xác định căn nhà mà các bị cáo T và H ở là nhà cả 02 cùng thuê ở chung, sau khi H phụ giúp T khiêng tủ lạnh chiếm đoạt được vào trong nhà trọ, thì T mới nói cho H biết đây là tài sản do trộm cắp được mà có, H

cũng không sử dụng tài sản này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về hành vi này là có căn cứ.

[8] Nguyễn Văn Đạt cho bị cáo T vay số tiền 20.500.000 đồng nhưng không biết T vay tiền để sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đạt là có căn cứ.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và đối với bị cáo H là chưa phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” cao hơn mức đề nghị và áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo H thấp hơn mức đề nghị.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[10.1] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9 màu xanh; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Chí T1 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47C-32178 là tài sản và giấy tờ cá nhân của bị hại Phạm Chí T1; 01 tủ lạnh hiệu Samsung màu xám, dung tích 236 lít, Model RT22M4033S8/SV, 01 sổ tạm trú và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thùy L là tài sản và giấy tờ cá nhân của bị hại Nguyễn Thị Thùy L. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng và giao trả lại tài sản cho các bị hại là phù hợp.

- Đối với 01 bộ vòng Simen 06 vòng, vàng 18K, trọng lượng 3,3 chỉ đã giao trả cho chủ sở H là chị Nguyễn Thị Thùy L; 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đen đỏ, biển số 66K1-372.26 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Vũ L1 đã giao trả cho chủ sở H là anh Vũ L1. Số tiền 7.000.000 đồng nhận được từ Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K do cầm cố vàng được chị L nộp lại đã được giao trả cho đại diện Công ty K; số tiền 20.500.000 đồng nhận được từ anh Nguyễn Chí Q do cầm cố xe mô tô được anh L1 giao nộp lại đã được giao trả cho bà Nguyễn Thị P. Đại diện Công ty K, anh Q và bà P đều đồng ý nên việc xử lý vật chứng là phù hợp.

- Đối với: 01 Ba lô màu đen và 01 cờ lê bằng kim loại màu bạc là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10.2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Chí T1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 7.700.000 đồng; bị hại bà Lê Thị P yêu cầu được bồi thường số tiền 14.500.000 đồng. Xét các yêu cầu bồi thường là phù hợp với thiệt hại thực tế xảy ra do hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bị cáo T bồi thường cho anh Thạnh số tiền 7.700.000 đồng; buộc bị cáo T và bị cáo H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà P số tiền là 14.500.000 đồng.

[10.3] Đối với số tiền 2.553.000 đồng phía Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc K không yêu cầu bị cáo T bồi thường. Xét đây là tiền bị cáo T thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Cao Quốc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều khoản áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/3/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cao Quốc H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/3/2021.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) Ba lô màu đen;

- 01 (một) Cờ lê bằng kim loại màu bạc.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương)*

3.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên:

- Buộc bị cáo Trương Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Chí T1 số tiền 7.700.000 đồng (bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trương Văn T và bị cáo Cao Quốc H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Lê Thị P số tiền 14.500.000 đồng (mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc bị cáo Trương Văn T nộp lại số tiền 2.553.000 đồng (hai triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí : Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trương Văn T và Cao Quốc H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trương Văn T và Cao Quốc H có nghĩa vụ liên đới chịu 725.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Văn T phải chịu 385.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**Đỗ Thị Nhung**